

Số: /KH-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030

Trong giai đoạn hiện nay, chính sách dân số chuyển trọng tâm từ “kế hoạch hóa gia đình” sang “dân số và phát triển”, hướng tới mục tiêu duy trì mức sinh thay thế phù hợp, góp phần bảo đảm nguồn nhân lực và phát triển bền vững đất nước. Tại tỉnh Sơn La, tổng tỷ suất sinh những năm gần đây luôn cao hơn mức sinh thay thế và thuộc nhóm các tỉnh có mức sinh cao của cả nước. Tổng tỷ suất sinh giảm từ 2,36 con/phụ nữ năm 2020 xuống 2,20 con/phụ nữ năm 2023, sau đó có xu hướng tăng trở lại, ước đạt khoảng 2,35 con/phụ nữ năm 2025. Mức sinh giữa các vùng, nhóm dân tộc còn chênh lệch đáng kể; nếu không có giải pháp phù hợp, nguy cơ mất cân đối mức sinh giữa các địa bàn sẽ tiếp tục gia tăng, ảnh hưởng đến chất lượng dân số và phát triển bền vững của tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030; Quyết định số 1069/QĐ-BYT ngày 17/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc đến năm 2030. Để duy trì mức sinh phù hợp, nâng cao chất lượng dân số và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, cụ thể như sau:

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Mục tiêu chung

Duy trì mức sinh hợp lý trên địa bàn tỉnh; từng bước giảm sinh tại các địa bàn có mức sinh cao, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, nhóm dân cư; góp phần bảo đảm quy mô, cơ cấu dân số hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững của tỉnh; đồng thời góp phần thực hiện thành công Chiến lược Dân số đến năm 2030.

##### 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phân đầu giảm tổng tỷ suất sinh của tỉnh về mức phù hợp, tiến tới đạt mức sinh thay thế khoảng 2,1 con/phụ nữ vào năm 2030; giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, nhóm dân cư;

- Trên 95% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về kết hôn, sinh con để đạt và duy trì mức sinh thay thế và trách nhiệm nuôi dạy con tốt;

- 100% xã, phường triển khai, thực hiện đầy đủ có hiệu quả các chính sách hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi con theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

## II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

### 1. Đối tượng

- Nam, nữ thanh niên; các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ.

- Cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp trong hệ thống chính trị; doanh nghiệp, tổ chức; người có uy tín, người đứng đầu tổ chức tại cộng đồng, tôn giáo, dòng họ, cá nhân liên quan; cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số, y tế và các cá nhân liên quan.

### 2. Phạm vi và thời gian thực hiện

- Phạm vi: Thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2030.

## III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

### 1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền

**1.1.** Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa việc chuyển hướng trọng tâm chính sách dân số sang dân số và phát triển, tập trung thực hiện các giải pháp duy trì mức sinh hợp lý, từng bước giảm sinh tại địa bàn có mức sinh cao, giảm tình trạng sinh nhiều con, sinh con quá sớm và tảo hôn trên địa bàn tỉnh. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ để cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn toàn tỉnh, điều kiện quan trọng nhất bảo đảm nguồn nhân lực, là tiền đề cơ bản nhất để phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Các hoạt động chủ yếu:

- Định kỳ cung cấp thông tin, báo cáo chuyên đề cho cấp ủy Đảng, chính quyền về tình hình mức sinh, xu hướng sinh con, kết hôn và các yếu tố tác động đến mức sinh tại từng địa phương nhằm thống nhất nhận thức và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện mục tiêu đạt và duy trì mức sinh thay thế.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo quán triệt, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân số, trọng tâm là chuyển hướng từ điều chỉnh mức sinh sang đạt và duy trì mức sinh thay thế; lồng ghép nội dung về trách nhiệm của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện.

- Biên soạn, cung cấp tài liệu tuyên truyền, tài liệu truyền thông, tài liệu hỏi - đáp về lợi ích sinh đủ hai con, không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn, phù hợp với từng nhóm đối tượng và đặc điểm từng địa phương.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân về vai trò của mức sinh thay thế đối với phát triển bền vững.

- Lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào các hội nghị giao ban, hội nghị chuyên đề của địa phương để tăng cường chỉ đạo thường xuyên.

- Tăng cường chỉ đạo tại các địa bàn có mức sinh cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn tồn tại tình trạng tảo hôn, kết hôn sớm, sinh nhiều con và sinh con dày.

**1.2.** Trên cơ sở xác định hiện trạng và xu hướng mức sinh của địa phương, đơn vị để xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch với chỉ tiêu cụ thể về

mức sinh của địa phương, đơn vị hướng đến mục tiêu đạt và duy trì mức sinh thay thế trên toàn tỉnh. Các hoạt động chủ yếu:

- Đánh giá hiện trạng và xu hướng mức sinh của từng địa phương.
- Ban hành các văn bản (Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch,...) để đưa mục tiêu, chỉ tiêu về quy mô dân số và mức sinh vào hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương; rà soát, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

**1.3.** Cấp ủy đảng, chính quyền chủ trì, huy động các ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện chương trình; giao nhiệm vụ cụ thể cho từng địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện. Thường xuyên giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện của các địa phương, đơn vị để có biện pháp điều chỉnh kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Các hoạt động chủ yếu:

- Ban hành các quy định về cơ chế phối hợp liên ngành trong việc thực hiện Chương trình/Kế hoạch bảo đảm mức sinh thay thế của địa phương.
- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, huy động các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện Chương trình/Kế hoạch bảo đảm mức sinh thay thế của địa phương.
- Cung cấp tài liệu truyền thông, tài liệu vận động phù hợp cho từng ban, ngành, đoàn thể để sử dụng thống nhất trong triển khai.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện của các địa phương, đơn vị; có biện pháp điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

**1.4.** Đề cao tính gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số, nhất là việc vận động, khuyến khích, hỗ trợ đẻ cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội. Gắn kết quả thực hiện các mục tiêu về mức sinh được giao cho các địa phương với đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là những người đứng đầu. Các hoạt động chủ yếu:

- Xây dựng và triển khai các quy định, tiêu chí nhằm tôn vinh, biểu dương tinh thần gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện chủ trương, chính sách về công tác dân số; tích cực vận động, khuyến khích, hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, qua đó tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

- Tổ chức khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đồng thời thường xuyên theo dõi, đánh giá, ghi nhận và động viên kịp thời trách nhiệm, vai trò nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, địa phương, đơn vị trong việc thực hiện các mục tiêu về công tác dân số.

## **2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi**

**2.1.** Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung của Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/ah2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp

đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội để giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về dân số bao gồm quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số. Tập trung tuyên truyền về lợi ích của việc sinh đủ 2 con, nuôi dạy con tốt; không kết hôn sớm, không sinh con quá sớm, không sinh nhiều con và không sinh con quá dày; từng bước giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, nhóm dân cư trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm phát triển bền vững đất nước và hạnh phúc của người dân. Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức các sự kiện truyền thông, tuyên truyền về Nghị quyết số 21-NQ/TW, Kết luận số 149-KL/TW, Nghị quyết số 72-NQ/TW và thực hiện mục tiêu đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng phóng sự, bản tin phát trên truyền hình, truyền thanh và trên mạng xã hội; xây dựng chuyên trang, chuyên mục trên trang thông tin, các báo trung ương và địa phương.

- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm truyền thông, tư vấn, vận động.

**2.2. Phát triển các thông điệp truyền thông, nội dung tuyên truyền, vận động phù hợp với đặc điểm của địa bàn, nhóm đối tượng khác nhau để đạt và duy trì mức sinh thay thế trên toàn tỉnh. Các hoạt động chủ yếu:**

- Xây dựng hệ thống thông điệp truyền thông nội dung tuyên truyền vận động phù hợp với mục tiêu hỗ trợ để cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

- Xây dựng các ấn phẩm truyền thông, tư vấn, vận động như: sách mỏng, tờ gấp, tờ rơi, tài liệu điện tử, video ngắn, kênh podcast... với nội dung tuyên truyền về lợi ích của việc không kết hôn muộn, không sinh con quá muộn, không sinh nhiều con, không sinh con quá dày, không tảo hôn và kết hôn cận huyết thống đối với phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời tuyên truyền về các yếu tố bất lợi của việc kết hôn quá sớm, sinh con quá sớm, sinh con quá dày đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao chất lượng dân số.

- Tập trung vận động đối với nam, nữ thanh niên, các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ về chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh.

- Xây dựng các mô hình truyền thông phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường truyền thông bằng tiếng dân tộc tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

**2.3. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, sinh động, hấp dẫn và thuyết phục. Nâng cao hiệu quả của truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội. Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí. Phát huy vai trò của những người có ảnh hưởng với công chúng, gia đình và dòng họ như những người nổi tiếng trong các**

lĩnh vực chính trị, khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, già làng, trưởng bản... Đặc biệt quan tâm đẩy mạnh các hoạt động truyền thông trực tiếp, nhất là các hoạt động truyền thông tại nhà, tại cộng đồng thông qua đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên, nhân viên y tế thôn bản. Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức các hoạt động truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội.

- Sản xuất và nhân bản các phóng sự, phim, tiểu phẩm, kịch truyền hình, truyền thanh; cung cấp các tài liệu, ấn phẩm truyền thông và số hóa các tài liệu, ấn phẩm truyền thông phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương, nhóm đối tượng ưu tiên địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số; tổ chức các cuộc thi, các loại hình văn hóa, văn nghệ quần chúng.

- Tổ chức các hoạt động để phát huy vai trò của những người có ảnh hưởng với công chúng, gia đình và dòng họ như những người nổi tiếng trong các lĩnh vực chính trị, khoa học, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, già làng, trưởng bản,...

- Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông tại nơi đông dân cư, tập trung nhiều thanh niên; chú trọng tuyên truyền, vận động đối với các nhóm đặc thù như đồng bào dân tộc thiểu số, thanh niên vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, địa bàn có mức sinh cao, người lao động ở khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Đẩy mạnh truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình, thôn, bản, tổ dân phố thông qua đội ngũ cộng tác viên dân số, tuyên truyền viên và nhân viên y tế cơ sở.

**2.4. Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục.** Mục tiêu của giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị của việc kết hôn, sinh con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước. Các hoạt động chủ yếu:

- Đánh giá nhu cầu kiến thức và thực trạng việc giảng dạy các nội dung về dân số, sức khỏe sinh sản trong hệ thống giáo dục.

- Xây dựng và cập nhật chương trình, tài liệu đào tạo, giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường nhằm định hình giá trị của việc kết hôn, sinh con vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

- Tập huấn, đào tạo giảng viên tuyến tỉnh, học viên là giáo viên, nhân viên y tế học đường tham gia giảng dạy về dân số, sức khỏe sinh sản.

- Thí điểm và từng bước mở rộng triển khai chương trình giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường trong tình hình mới.

- Xây dựng tài liệu và tổ chức các lớp tập huấn trước khi kết hôn cho nam, nữ thanh niên chuẩn bị kết hôn.

### **3. Điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích**

**3.1.** Rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định không phù hợp với mục tiêu thực hiện mục tiêu duy trì mức sinh hợp lý, giảm sinh tại vùng có mức sinh cao và nâng cao chất lượng dân số, đặc biệt là các quy định xử lý vi phạm chính sách dân số hiện hành. Đề xuất ban hành quy định về việc đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong việc sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc để đạt và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động chủ yếu:

- Rà soát, đánh giá tác động của các quy định có liên quan đến việc thực hiện mục tiêu đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

- Ban hành các quy định sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những nội dung không còn phù hợp với mục tiêu để đạt và duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

**3.2.** Căn cứ vào các quy định hiện hành, điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách địa phương, ban hành các chính sách hỗ trợ thực hiện công tác dân số phù hợp với đặc điểm địa phương; ưu tiên nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa và địa bàn có mức sinh cao; ưu tiên đối với dân tộc thiểu số rất ít người. Các hoạt động chủ yếu:

- Rà soát, đánh giá, đề xuất bổ sung mở rộng đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ, khuyến khích hiện hành;

- Khảo sát, đánh giá nhu cầu, khả năng tiếp cận; triển khai thực hiện hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã thuộc khu vực biên giới.

- Rà soát, bãi bỏ hoặc đề xuất sửa đổi các quy định, hương ước, quy ước không còn phù hợp liên quan đến mục tiêu giảm sinh; đồng thời xây dựng các mô hình, chính sách hỗ trợ nhằm vận động người dân sinh đủ 2 con, nuôi dạy con tốt, giảm sinh con thứ 3 trở lên tại các địa bàn có mức sinh cao.

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt; đồng thời có chính sách khuyến khích không kết hôn muộn không sinh con muộn, không sinh nhiều con, không sinh con quá sớm, không sinh con quá dày.

- Nghiên cứu đánh giá tác động của chính sách lao động, việc làm, nhà ở, phúc lợi xã hội, giáo dục, y tế ... đến quyết định sinh con, sinh ít con; kết hôn muộn và không kết hôn; sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ cặp vợ chồng, cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt; khuyến khích nam - nữ thanh niên không kết hôn muộn.

- Nghiên cứu, triển khai các mô hình can thiệp phù hợp nhằm giảm sinh tại vùng có mức sinh cao; hỗ trợ tư vấn tiền hôn nhân, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên; nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Khuyến khích xây dựng gia đình ít con, no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; biểu dương các gia đình thực hiện tốt chính sách dân số, nuôi dạy con tốt, không sinh con thứ 3 trở lên tại cộng đồng.

**4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan**

**4.1.** Phổ cập dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản (KHHGD/CSSKSS) tới mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn. Lồng ghép các hoạt động phổ cập dịch vụ KHHGD/CSSKSS với Chương trình Củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD đến năm 2030. Các hoạt động chủ yếu:

- Thực hiện hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã thuộc khu vực biên giới. Ưu tiên cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, phương tiện tránh thai hiện đại tại các xã có mức sinh cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa và biên giới.

- Tổ chức cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hoá gia đình thân thiện cho vị thành niên, thanh niên; công nhân khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Khảo sát nhu cầu về thực trạng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hoá gia đình tại địa phương; thí điểm xây dựng các trang thông tin, web về cung cấp dịch vụ KHHGD/CSSKSS trên các nền tảng số cho phù hợp.

- Dự báo nhu cầu phương tiện tránh thai theo phân đoạn thị trường đến năm 2030, tầm nhìn 2040 phục vụ xây dựng kế hoạch hàng năm, trung hạn và dài hạn; tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về dự báo nhu cầu phương tiện tránh thai, khai thác hệ thống báo cáo PTTT tại địa phương.

**4.2.** Xây dựng và triển khai các loại hình phòng, tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên tại cộng đồng; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, phát triển mạng lưới hỗ trợ sinh sản. Các hoạt động chủ yếu:

- Xây dựng hướng dẫn chuyên môn các biện pháp phòng tránh vô sinh tại cộng đồng (hướng dẫn sàng lọc, phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ vô sinh).

- Củng cố và phát triển mạng lưới sàng lọc, dự phòng vô sinh tại cộng đồng.

- Thí điểm dịch vụ dự phòng, sàng lọc vô sinh tại cộng đồng cho nhóm dân số trẻ đáp ứng nhu cầu và khả năng chi trả của người dân.

**4.3.** Đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới: Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp; tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến sinh con dị tật, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc suy giảm chất lượng nòi giống.

Lồng ghép với các hoạt động của Chương trình “Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2021 - 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 499/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2020 và Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (Nội dung 2 dự án 7 Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 chuyển sang Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển).

Các hoạt động chủ yếu:

- Tổ chức chiến dịch cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình ở những địa bàn trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Đào tạo, đào tạo lại kỹ thuật đặt tháo dụng cụ tử cung, cấy que cấy tránh thai cho đội ngũ nhân viên y tế thực hiện dịch vụ kế hoạch hoá gia đình làm việc tại các cơ sở y tế có đông đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thực hiện hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hoá gia đình cho đối tượng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Thực hiện quản lý, theo dõi sử dụng, cấp phát phương tiện tránh thai cho các đối tượng ưu tiên theo quy định tại địa phương (thiết lập phần mềm báo cáo, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật về quản lý phương tiện tránh thai,...).

- Tăng cường truyền thông, tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân nhằm giảm tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Kiểm tra sức khỏe, phát hiện, tư vấn về phòng, tránh và điều trị cho nam, nữ chuẩn bị kết hôn các nguy cơ sinh con dị tật và mắc các bệnh hiểm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn.

## **5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác**

### **5.1. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng**

- Xây dựng tài liệu, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn cho cộng tác viên thực hiện nhiệm vụ tư vấn, khuyến khích các cặp vợ chồng cá nhân sinh con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc trong giai đoạn phấn đấu đạt và duy trì mức sinh thay thế.

- Cử công chức, viên chức tham gia cập nhật kiến thức mới, tập huấn lại về kiến thức, kỹ năng mới, đáp ứng nhiệm vụ chuyển trọng tâm nội dung điều chỉnh mức sinh sang đạt và duy trì mức sinh thay thế do trung ương/ tỉnh tổ chức.

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội. Đưa nội dung về bảo đảm mức sinh thay thế vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đặc biệt là kiến thức, kỹ năng lồng ghép các nội dung về bảo đảm mức sinh thay thế trên toàn quốc vào nhiệm vụ, hoạt động của các ngành, đơn vị.

### **5.2. Nghiên cứu khoa học và hệ thống tin quản lý**

- Nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ về quy mô dân số, mức sinh trong mối quan hệ qua lại với phát triển kinh tế - xã hội; các nghiên cứu tác nghiệp về những giải pháp, can thiệp nhằm hướng tới đạt và duy trì mức sinh thay thế trên toàn quốc.

- Củng cố, hoàn thiện hệ thống chỉ báo, chỉ tiêu về quy mô dân số và mức sinh. Thường xuyên cung cấp, thông tin về động thái dân số và thực trạng mức sinh cho các cơ quan chỉ đạo, điều hành ở trung ương và địa phương.

### **5.3. Hợp tác trong nước, quốc tế**

- Tham gia các mạng lưới, diễn đàn về Dân số trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

- Tổ chức các đoàn học tập và chia sẻ kinh nghiệm ở trong nước và các nước đã đạt, duy trì mức sinh thay thế.

- Tổ chức các hoạt động hợp tác trong nước, quốc tế để huy động nguồn lực tài chính và kỹ thuật của tổ chức trong nước, quốc tế (tổ chức các Hội thảo, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm...).

#### **5.4. Kiểm tra, giám sát, đánh giá**

- Định kỳ kiểm tra, giám sát hỗ trợ, đánh giá việc thực hiện Chương trình; kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn.

- Hướng dẫn, phổ biến, tổng kết việc thực hiện Chương trình, định hướng cho giai đoạn tiếp theo.

### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hằng năm của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Y tế**

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện và hướng dẫn thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế làm công tác dân số các cấp, đáp ứng nhân lực để thực hiện nhiệm vụ dân số và phát triển.

- Chủ trì tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số; đa dạng hóa nội dung, đổi mới hình thức truyền thông, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn; nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và người dân về duy trì mức sinh thay thế và kiểm soát mật cân bằng giới tính khi sinh.

- Tổ chức triển khai, nâng cao chất lượng các dịch vụ dân số và chăm sóc sức khỏe sinh sản: tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân; sàng lọc trước sinh, sơ sinh; phát hiện sớm, can thiệp và điều trị các bệnh, tật bẩm sinh; dự phòng và điều trị vô sinh, hiếm muộn... tại các cơ sở y tế đủ điều kiện theo quy định.

- Chủ trì tiếp nhận, quản lý và triển khai các chương trình, dự án, đề án về dân số do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ; bảo đảm sử dụng hiệu quả, đúng quy định.

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ thực hiện công tác dân số phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế; tổ chức sơ kết, tổng kết, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện.

#### **2. Sở Tài chính**

- Phối hợp với Sở Y tế vận động, thu hút các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước cho các chương trình, dự án về dân số.

- Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường và khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ, giao dự toán để các cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách.

### **3. Sở Nội vụ**

- Thực hiện rà soát, đề xuất kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế làm công tác dân số các cấp, đáp ứng nhân lực để thực hiện nhiệm vụ dân số và phát triển.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách lao động, việc làm đối với người lao động, trong các khu cụm công nghiệp, khu kinh tế; góp phần tạo điều kiện ổn định đời sống, khuyến khích kết hôn và sinh con phù hợp.

### **4. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan chủ động đưa nội dung giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe tình dục, tình dục an toàn, sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên; giới tính và mất cân bằng giới tính khi sinh và bình đẳng giới; phòng chống tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống... vào chương trình giảng dạy chính khóa, ngoại khóa phù hợp với các cấp học.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND xã, phường chỉ đạo rà soát, quy hoạch, phát triển hệ thống cơ sở giáo dục mầm non, nhà trẻ trên địa bàn thành phố, đặc biệt tại khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; tạo điều kiện thuận lợi để các cặp vợ chồng trẻ, người lao động yên tâm làm việc, góp phần giảm áp lực chăm sóc con nhỏ nhằm đạt và duy trì mức sinh thay thế của tỉnh.

### **5. Sở Tư pháp**

- Tăng cường công tác quản lý và đăng ký hộ tịch, nhất là đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn. Tăng cường tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan, UBND xã, phường tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật cho các tầng lớp nhân dân về độ tuổi kết hôn đang được khuyến khích.

### **6. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan, UBND các xã, phường:

- Tham mưu và tổ chức các chương trình, đề án, dự án về lĩnh vực gia đình; xây dựng, hướng dẫn đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố;

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền về duy trì mức sinh thay thế, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc vào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao gắn với tuyên truyền chính sách dân số; phát huy vai trò của gia đình trong sinh con và nuôi dạy con tốt; tổ chức các hoạt động biểu dương các gia đình sinh đủ 2 con nuôi dạy con tốt.

- Lòng ghép tuyên truyền xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; thực hiện nếp sống văn minh, giảm tảo hôn, kết hôn cận huyết thống và sinh nhiều con tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### **7. Sở Dân tộc và Tôn giáo**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các ban, sở, ngành tỉnh liên quan và UBND các xã, phường tham mưu thực hiện hiệu quả kế hoạch thực hiện Đề án bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số, đặc biệt dân tộc dưới 10 nghìn người trên địa bàn tỉnh theo hướng đảm bảo sự phát triển đồng đều, bình đẳng giữa các dân tộc.

- Lòng ghép mục tiêu duy trì mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số vào các chương trình, chính sách dân tộc đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

### **8. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ công tác dân số và phát triển, đặc biệt là các nghiên cứu về mức sinh, cơ cấu dân số và nâng cao chất lượng dân số trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học liên quan đến dân số, sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; ưu tiên các nghiên cứu ứng dụng, mô hình can thiệp hiệu quả nhằm đạt và duy trì mức sinh thay thế.

- Phối hợp với Sở Y tế xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về dân số; hướng dẫn ứng dụng công nghệ số bảo đảm kết nối và chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác trong thu thập, quản lý, phân tích và dự báo các chỉ tiêu về dân số và mức sinh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

### **9. Sở Xây dựng**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan rà soát, nghiên cứu tham mưu lòng ghép nhu cầu nhà ở của các đối tượng là cặp vợ chồng trẻ trong quá trình triển khai Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu về nhà ở của các cặp vợ chồng trẻ phù hợp điều kiện thực tế của địa phương và quy định pháp luật.

### **10. Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La**

- Tăng cường thời lượng tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác Dân số trong tình hình mới nói chung và kế hoạch thực hiện Chương trình đảm bảo mức sinh thay thế đến năm 2030 tại tỉnh Sơn La trên các loại hình báo chí, giúp nâng cao nhận thức của người dân về các nội dung công tác dân số và đảm bảo mức sinh thay thế.

- Phối hợp với Sở Y tế xây dựng chuyên mục, tin, bài, phóng sự về Chương trình đảm bảo mức sinh thay thế trên các ấn phẩm báo, phát thanh, truyền hình. Sản xuất và tăng thời lượng phát sóng các chương trình về dân số bằng tiếng Thái, tiếng Mông để truyền tải thông điệp đến bà con vùng sâu, vùng xa.

### **11. Thống kê tỉnh**

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp thực hiện các cuộc kiểm tra, giám sát về nội dung của Kế hoạch có liên quan đến chức năng,

nhiệm vụ của đơn vị. Nghiên cứu, thẩm định các chỉ số về chuyên ngành Dân số, cung cấp cho các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ.

### **12. Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan**

Phối hợp với Sở Y tế tổ chức triển khai Kế hoạch này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

### **13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số; tích cực tham gia thực hiện mục tiêu duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh.

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền về dân số và phát triển, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc vào các phong trào, cuộc vận động do Mặt trận và các tổ chức thành viên phát động.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội theo quy định; tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về dân số; kịp thời phản ánh kiến nghị của Nhân dân với cơ quan có thẩm quyền.

- Tập trung chỉ đạo các địa bàn có mức sinh cao xây dựng mô hình truyền thông, vận động giảm sinh phù hợp với từng nhóm dân cư, dân tộc; phát huy vai trò già làng, trưởng bản, người có uy tín trong tuyên truyền thực hiện chính sách dân số.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình văn hóa, góp phần tạo sự lan tỏa trong cộng đồng.

### **14. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Căn cứ Kế hoạch này xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Bố trí kinh phí và huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai; phát huy vai trò, nâng cao chất lượng hoạt động của thành viên Ban chỉ đạo Dân số và Phát triển các cấp trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số tại địa phương.

- Đưa mục tiêu, chỉ tiêu quy mô dân số và mức sinh vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2026-2030; rà soát, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành các chính sách về hỗ trợ, khuyến khích kết hôn, sinh con; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế để tổng hợp.

- Chỉ đạo Trạm y tế cấp xã là đơn vị đầu mối tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản; quản lý, khai thác dữ liệu

dân số; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ được giao; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

**15.** Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 06/10/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 của tỉnh Sơn La.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2030. Yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Y tế;
- Cục Dân số - Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và PTTT Sơn La;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX. NTQ.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Trung Chiến**

**Phụ lục**  
**CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**  
*(Kèm theo Kế hoạch của UBND tỉnh Sơn La)*

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn.	Sở Y tế; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hàng năm
2	Tổ chức các hoạt động truyền thông, vận động thay đổi hành vi về kết hôn, sinh con, duy trì mức sinh thay thế.	Sở Y tế; UBND xã, phường		Hàng năm
3	Rà soát, đề xuất tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đạt và duy trì mức sinh thay thế	Sở Y tế; UBND xã, phường		Hàng năm
4	Nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.	Sở Y tế	Các cơ sở y tế; UBND các xã, phường	Hàng năm
5	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, cộng tác viên dân số.	Sở Y tế; UBND xã, phường	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Hàng năm
6	Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hàng năm
7	Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, UBND xã, phường và khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ, giao dự toán để các cơ quan, đơn vị, UBND xã phường triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hàng năm
8	Kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân lực làm công tác dân số các cấp; Duy trì và phát triển đội ngũ cộng tác viên dân số; quan tâm đến chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ dân số, cộng tác viên dân số ở cơ sở.	Sở Y tế	Sở Nội vụ; UBND các xã, phường	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
9	Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong nhà trường.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế; các cơ quan liên quan	2026-2030
10	Phát triển hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo, tạo điều kiện cho các cặp vợ chồng yên tâm sinh con, nuôi con.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường	2026-2030
11	Triển khai các hoạt động tư vấn pháp luật; trợ giúp pháp lý về hôn nhân và gia đình cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định pháp luật; quản lý đăng ký hộ tịch; đăng ký khai sinh; đăng ký kết hôn.	Sở Tư pháp	Sở Y tế; UBND các xã, phường	Hàng năm
12	Rà soát, nghiên cứu tham mưu lồng ghép nhu cầu nhà ở của các đối tượng là cặp vợ chồng trẻ trong quá trình triển khai Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh nhằm từng bước đáp ứng nhu cầu về nhà ở của các cặp vợ chồng trẻ phù hợp điều kiện thực tế của địa phương và quy định pháp luật	Sở Xây dựng	Sở Y tế; các sở, ngành liên quan	Từ năm 2027
13	Tổ chức các chương trình, đề án, dự án về lĩnh vực gia đình; xây dựng, hướng dẫn đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; biểu dương gia đình sinh đủ 2 con, nuôi dạy con tốt.	Sở VH-TT&DL	Sở Y tế; UBND xã, phường	Hàng năm
14	Đẩy mạnh truyền thông trên báo chí, phát thanh, truyền hình về duy trì mức sinh thay thế.	Báo và phát thanh truyền hình Sơn La	Sở Y tế; UBND xã, phường và các đơn vị liên quan	Hàng năm
15	Cập nhật, công bố số liệu dân số, mức sinh phục vụ quản lý, điều hành.	Thống kê tỉnh Sơn La	Sở Y tế; UBND cấp xã, các cơ quan liên quan	Hàng năm
16	Xây dựng và triển khai kế hoạch tại địa phương, bố trí nguồn lực thực hiện Chương trình.	UBND xã, phường	Các phòng, đơn vị liên quan	Hàng năm